TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quốc Đạt**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Ngọc

2. Ông Đinh Văn Sơn

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Võ Minh Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-4-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06-5-2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Thanh M - Sinh năm 199** (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: **Ông Phan Văn T - Sinh năm 197** (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lâm P, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M trình bày:

Bà M và ông Phan Văn T chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; ông T thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, phá tán tài sản, không quan tâm đến vợ, con. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Bà M đã nhiều lần góp ý, tạo điều kiện cho ông T thay đổi để vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng ông T

vẫn không thay đổi. Bà M không thể nào chấp nhận được, tình cảm vợ chồng đã hết, bà Mơ không còn yêu thương ông Phan Văn T nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Phan Văn T. Bà M đã suy nghĩ kỹ, cương quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên Phan Minh T, sinh 14-8-201, hiện đang ở với bà M; Ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà M làm công nhân, hàng thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng, đủ khả năng nuôi con.

Ông Phan Văn T làm gì bà M không biết, không quan tâm.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh M vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Phan Văn T, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M được ly hôn ông Phan Văn T.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Phan Minh T, sinh 14-8-201 cho bà Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Phan Văn T, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị

đơn ông Phan Văn T có địa chỉ tại thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M: Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của bị đơn ông Phan Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 201, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 129, ngày 16-10-201; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phan Văn T, nguyên nhân do vợ chồng tính tính không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau, ông Phan Văn T thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến vợ, con; làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng; vợ chồng không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Chính quyền địa phương có biết được mâu thuẫn vợ chồng bà M và ông T; vợ chồng không còn chung sống từ năm 2021 đến nay, xa cách lâu năm, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn ông T.

- Đối với bị đơn ông Phan Văn T dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng, niêm yết công khai nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh M là có căn cứ.

Từ những chứng cứ nên trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Phan Văn T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Minh T, sinh 14-8-201, hiện đang ở với bà M. Ly hôn bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Nguyễn Thị Thanh M, Hội đồng

xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Thanh M là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay, cháu Phan Minh T, sinh 14-8-201 đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với bà M, do đó phải tôn trọng nguyện vọng của con chung; Vì vậy nên giao con chung tên Phan Minh T, sinh 14-8-201 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh M. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và ông Phan Văn T.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung tên Phan Minh T, sinh 14-8-201 cho bà Nguyễn Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng; ông Phan Văn T không cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 000535, ngày 02-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Thanh M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có đơn đề xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Đạt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**